

tăng cường cán bộ kiểm lâm về cơ sở, để bảo đảm cho lực lượng kiểm lâm thực sự là lực lượng nòng cốt của các cấp chính quyền cơ sở về công tác bảo vệ và phát triển rừng. Trang bị các phương tiện, công cụ hỗ trợ và có quy chế hướng dẫn, quản lý sử dụng vũ khí cho lực lượng kiểm lâm để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiến hành đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Mục 1 của Chỉ thị này. Hàng năm, sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện lên Thủ tướng Chính phủ.

d) Từ năm 2003, hạn chế tối đa chỉ tiêu khai thác gỗ rừng tự nhiên, chủ yếu khai thác phục vụ các nhu cầu sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu và cho việc phòng chống thiên tai. Khuyến khích nhập khẩu gỗ, sử dụng các nguyên liệu thay thế gỗ, nhằm tiết kiệm gỗ trong sản xuất và tiêu dùng.

3. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo lực lượng công an các tỉnh, thành phố phối hợp và hỗ trợ lực lượng Kiểm lâm địa phương tham gia công tác bảo vệ rừng và truy quét bọn lâm tặc.

4. Bộ Quốc phòng chỉ đạo các quân khu, quân đoàn, ban chỉ huy quân sự địa phương, bộ đội biên phòng, kết hợp tổ chức các đợt hành quân dã ngoại để phối hợp với các lực lượng Kiểm lâm, Công an của địa phương hỗ trợ và tham gia truy quét bọn lâm tặc; chỉ đạo các đơn vị quân đội tổ chức tốt công tác quản lý bảo vệ diện tích rừng được giao, đặc biệt ở các khu vực kinh tế quốc phòng, các khu rừng dọc tuyến biên giới.

5. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính bảo đảm kinh phí cho các ngành và các địa phương tổ chức thực hiện Chỉ thị này.

6. Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Quốc phòng, Công an, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường theo chức năng của mình có kế hoạch triển khai, chỉ đạo

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nội dung Chỉ thị này.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

CÁC BỘ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải số 1330/2003/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2003 về vùng nước các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam và khu vực trách nhiệm của Cảng vụ Đà Nẵng.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Điều 58 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 3 năm 1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 2372/UB-VP ngày 21 tháng 8 năm 2002;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tại Công văn số 1065/UE-KTN ngày 20 tháng 6 năm 2002;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế - vận tải và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam bao gồm:

1. Vùng nước trước cầu cảng Đà Nẵng, Liên Chiểu, Nại Hiên, K4D6, Nguyễn Văn Trỗi, cầu cảng chuyên dùng của Nhà máy Xi măng Hải Vân, cầu cảng chuyên dùng của Công ty PETEC, cầu cảng khu B thuộc Xí nghiệp Sửa chữa Hải Sơn, cảng Kỳ Hà và vùng nước của bến phao Mỹ Khê;

2. Vùng nước của tuyến luồng hàng hải, vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão thuộc các cảng biển quy định tại khoản 1 của Điều này;

3. Vùng nước trước cầu cảng và khu vực neo đậu, chuyển tải, tránh bão khác sẽ được công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

1. Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng:

a) Khu vực Đà Nẵng gồm cầu cảng Đà Nẵng, Liên Chiểu, Nại Hiên, K4D6, Nguyễn Văn Trỗi, cầu cảng chuyên dùng của Nhà máy Xi măng Hải Vân, cầu cảng chuyên dùng của Công ty PETEC, cầu cảng khu B thuộc Xí nghiệp Sửa chữa Hải Sơn;

- Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi

đoạn thẳng nối hai điểm ĐN1, ĐN2, có tọa độ sau đây:

+ ĐN1. $16^{\circ} 12' 36''$ N; $108^{\circ} 12' 06''$ E (mép bờ phía Nam hòn Sơn Chà).

+ ĐN2. $16^{\circ} 09' 36''$ N; $108^{\circ} 14' 42''$ E (mép bờ phía Tây Bắc bán đảo Sơn Chà).

- Ranh giới về phía đất liền: toàn bộ vùng nước của vịnh Đà Nẵng, được giới hạn cụ thể từ điểm ĐN2 chạy dọc theo đường bờ biển của vịnh Đà Nẵng về phía Tây bán đảo Sơn Chà, qua cửa sông Hàn, tiếp tục chạy theo đường bờ biển về phía Tây vịnh Đà Nẵng qua mũi Nam Ô lên phía Bắc vịnh Đà Nẵng tới điểm ĐN3 có tọa độ: $16^{\circ} 12' 38''$ N; $108^{\circ} 11' 25''$ E (mép bờ phía Đông đèo Hải Vân). Sau đó từ điểm ĐN3 nối với điểm ĐN4 có tọa độ: $16^{\circ} 12' 40''$ N; $108^{\circ} 11' 44''$ E (mép bờ phía Tây Nam hòn Sơn Chà) và chạy dọc theo đường bờ biển phía Tây Nam hòn Sơn Chà tới điểm ĐN1.

- Ranh giới trên sông Hàn: từ hai điểm mút của cửa sông Hàn (giáp với vùng nước vịnh Đà Nẵng) chạy theo hai bờ sông về phía thượng lưu, dọc theo bên trái đập Bắc - Nam đến đường biên hành lang an toàn hạ lưu cầu Nguyễn Văn Trỗi.

b) Khu vực bến phao Mỹ Khê:

- Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm MK1, MK2 và MK3 có tọa độ sau đây:

+ MK1. $16^{\circ} 03' 00''$ N; $108^{\circ} 14' 40''$ E;

+ MK2. $16^{\circ} 03' 00''$ N; $108^{\circ} 18' 00''$ E;

+ MK3. $16^{\circ} 05' 45''$ N; $108^{\circ} 18' 00''$ E.

- Ranh giới về phía đất liền: từ điểm MK3 chạy dọc theo mép bờ biển phía Đông Nam bán đảo Sơn Chà tới điểm MK1.

2. Phạm vi vùng nước cảng biển Kỳ Hà thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam:

- Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các

đoạn thẳng nối các điểm KH1, KH2, KH3 và KH4 có tọa độ sau đây:

- + KH1. $15^{\circ} 31' 00''$ N; $108^{\circ} 40' 00''$ E;
- + KH2. $15^{\circ} 31' 00''$ N; $108^{\circ} 42' 18''$ E;
- + KH3. $15^{\circ} 28' 54''$ N; $108^{\circ} 42' 18''$ E;
- + KH4. $15^{\circ} 28' 54''$ N; $108^{\circ} 41' 12''$ E.

- Ranh giới về phía đất liền: từ điểm KH4 chạy dọc theo mép bờ biển về phía Tây Bắc, qua cửa sông Trường Giang (cửa Lô), tiếp tục chạy theo đường bờ biển qua mũi An Hòa về phía Tây tới điểm KH1.

- Ranh giới trên sông Trường Giang: từ hai điểm mút của cửa sông Trường Giang (cửa Lô), chạy dọc theo hai bờ sông về phía thượng lưu, qua cửa lạch Đầu Doi (Sâm Riêng) tới đường thăng cát ngang sông nối hai điểm TG1 và TG2 có tọa độ sau đây:

- + TG1. $15^{\circ} 29' 24''$ N; $108^{\circ} 38' 42''$ E.
- + TG2. $15^{\circ} 28' 30''$ N; $108^{\circ} 38' 42''$ E.

Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão cho tàu thuyền vào các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam, được quy định như sau:

1. Khu vực Đà Nẵng:

a) Vùng đón trả hoa tiêu và kiểm dịch: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại tọa độ:

$16^{\circ} 10' 00''$ N; $108^{\circ} 11' 00''$ E.

b) Vùng neo đậu, chuyển tải, tránh bão và dịch vụ hàng hải khác cho tàu thuyền trong vùng nước được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Quyết định này.

2. Khu vực bến phao Mỹ Khê:

a) Vùng đón trả hoa tiêu và kiểm dịch: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại tọa độ:

$16^{\circ} 04' 00''$ N; $108^{\circ} 17' 00''$ E.

b) Vùng neo đậu, chuyển tải, tránh bão và dịch vụ hàng hải khác cho tàu thuyền trong vùng nước được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Quyết định này.

3. Khu vực cảng Kỳ Hà:

a) Vùng đón trả hoa tiêu và kiểm dịch: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm tại tọa độ:

$15^{\circ} 29' 30''$ N; $108^{\circ} 41' 42''$ E.

b) Vùng neo đậu, chuyển tải, tránh bão và dịch vụ hàng hải khác cho tàu thuyền trong vùng nước cảng Kỳ Hà được quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định này.

Điều 4.

1. Cảng vụ Đà Nẵng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan đối với mọi hoạt động hàng hải tại vùng nước các cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.

2. Cảng vụ Đà Nẵng căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mớn nước và trọng tải của tàu thuyền, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền neo đậu, chuyển tải và tránh bão trong vùng nước quy định tại điểm b của khoản 1, 2, 3 Điều 3 của Quyết định này, đảm bảo an toàn hàng hải và vệ sinh môi trường.

Điều 5. Ngoài phạm vi vùng nước quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này, Cảng vụ Đà Nẵng còn có trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự, an toàn hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1600/PC-VT ngày 12/8/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về vùng nước cảng Đà Nẵng và khu vực trách nhiệm của Cảng vụ

Đà Nẵng và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 7. Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam, Giám đốc Cảng vụ Đà Nẵng và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Thứ trưởng

PHẠM THẾ MINH

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 60/2003/QĐ-BNN ngày 06/5/2003 về việc công bố Danh mục thuốc thú y được phép sản xuất, xuất khẩu, đóng gói lại, nhập khẩu, lưu hành, sử dụng và hạn chế sử dụng tại Việt Nam năm 2003.*

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ bản Quy định về thi hành Pháp lệnh Thú y, Điều lệ quản lý thuốc thú y ban hành kèm theo Nghị định số 93/CP ngày 27/11/1993 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2001/TT-BNN ngày 05/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp theo Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2000 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục thuốc thú y được phép sản xuất, xuất khẩu, đóng gói lại.
2. Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y được phép nhập khẩu.
3. Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y hạn chế sử dụng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Danh mục thuốc thú y ban hành tại Quyết định số 40/2002/QĐ-BNN ngày 27/5/2002.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, tổ chức, cá nhân trong nước và người nước ngoài có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc thú y tại Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thứ trưởng
BÙI BÁ BỐNG

* Do khuôn khổ của Tờ Công báo có hạn, các phần sau của Danh mục sẽ được đăng liên tục trong các số Công báo tiếp theo. Nhưng hiệu lực của Quyết định này được tính từ ngày 17 tháng 6 năm 2003.